TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 07/2025/KDTM-ST.
Ngày: 03/3/2025
V/v "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Anh Giàu

2. Bà Nguyễn Thị Bé Em

- *Thư ký phiên tòa*: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre

Ngày 03 tháng 3 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án kinh doanh thương mại thụ lý số: 37/2024/TLST-KDTM ngày 11 tháng 12 năm 2024 về "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2025/QĐXX-ST ngày 10 tháng 01 năm 2025 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H**

Địa chỉ: Số B B, N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Đại diện theo pháp luật: **Ông Phạm Quốc T** – Tổng giám đốc

Đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn:

- Bà Huỳnh Nguyễn Bảo H

Địa chỉ: B Bis N, phường B, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh

- Ông Quách Văn H1

Địa chỉ: F, P, Phường F, Quận C, Thành phố Hồ Chí Minh

- Bà Huỳnh Hằng T1

Địa chỉ: Số G, Đại lộ Đ, phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn: **Công ty TNHH M**

Địa chỉ: 2 đường C, phường T, Thành phố P-T, tỉnh Ninh Thuận

Đại diện theo pháp luật: Bà Nguyễn Thu T2 - Giám đốc

2. Bị đơn: **Công ty TNHH Một thành viên V**

Địa chỉ: Số F, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Đại diện theo pháp luật: Bà Phạm Ngọc N - Giám đốc

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- **Bà Phạm Ngọc N**, sinh năm: 1989

Địa chỉ: Số F, ấp P, xã P, thành phố B, tỉnh Bến Tre.

Ông H1, bà T1, Công ty TNHH M yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bà N vắng mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn trình bày:

Công ty TNHH Một thành viên V có vay của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTD ngày 20/10/2023: hạn mức tín dụng: 19.800.000.000 đồng, mục đích vay: bổ sung vốn lưu động, phát hành UPAS L/C nội địa phục vụ hoạt động kinh doanh vật liệu xây dựng các loại. Lãi suất cho vay trong hạn được quy định cụ thể trong từng khế ước nhận nợ. Lãi suất cho vay quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng đối với dư nợ gốc quá hạn kể từ thời điểm chuyển nợ quá hạn. Lãi chậm trả lãi: 10%/năm

- Ngày 20/3/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 1.000.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN07. Thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 21/3/2024 đến 20/9/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 9.5%/năm.Phương thức trả nợ: gốc trả khi đến hạn, lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng bắt đầu từ 25/4/2024.

- Ngày 21/3/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 950.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN08. Thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 22/3/2024 đến 21/9/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 9.6%/năm. Phương thức trả nợ: gốc trả khi đến hạn, lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng bắt đầu từ 25/4/2024

- Ngày 28/3/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 5.000.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN09. Thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 29/3/2024 đến 28/9/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 9.5%/năm. Phương thức trả nợ: gốc trả khi đến hạn, lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng bắt đầu từ 25/4/2024

- Ngày 02/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 3.600.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN10. Thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 03/5/2024 đến 02/11/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 9.5%/năm. Phương thức trả nợ: gốc trả khi đến hạn, lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng bắt đầu từ 25/5/2024

- Cùng ngày 02/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 3.490.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN11. Thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 03/5/2024 đến 02/11/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 9.5%/năm. Phương thức trả nợ: gốc trả khi đến hạn, lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng bắt đầu từ 25/5/2024

- Ngày 03/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 2.000.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN12. Thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 04/5/2024 đến 03/11/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 9.5%/năm. Phương thức trả nợ: gốc trả khi đến hạn, lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng bắt đầu từ 25/5/2024

- Cùng ngày 03/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 1.150.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN13. Thời hạn vay: 06 tháng từ ngày 04/5/2024 đến 03/11/2024. Lãi suất cho vay trong hạn: 9.5%/năm. Phương thức trả nợ: gốc trả khi đến hạn, lãi trả mỗi tháng 01 lần vào ngày 25 của tháng bắt đầu từ 25/5/2024

Để đảm bảo cho Hợp đồng tín dụng nêu trên, hai bên có ký các Hợp đồng thế chấp cụ thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 22581/23MN/HĐBĐ ngày 31/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 31/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 289,8m^2; mục đích sử dụng: đất ở đô thị 171m^2, đất trồng cây lâu năm 118,8m^2; thời hạn sử dụng: đất ở đô thị: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/10/2050 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 098759, số vào sổ cấp GCN CS12461 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/6/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/10/2023 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 22582/23MN/HĐBĐ ngày 31/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 31/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 584, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre: diện tích 516,5m^2; mục đích sử dụng: đất đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 09/7/2042 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 306815, số vào sổ cấp GCN CS05766 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/4/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C , tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 27/10/2023 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 24245/23MN/HĐBĐ ngày 10/11/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 10/11/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 100,6m^2; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 31/10/2050 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 098813, số vào sổ cấp GCN CS12462 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp

ngày 29/6/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 08/11/2013 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 21033/23MN/HĐBĐ ngày 20/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 20/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/10/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 748, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre: diện tích 393,4m^2; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng: đến ngày 20/5/2067 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 096147, số vào sổ cấp GCN CS06458 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/10/2022 cho bà Phạm Ngọc N Trong quá trình vay vốn, Công ty TNHH Một thành viên V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ. Tính đến ngày 03/3/2025, Công ty TNHH Một thành viên V còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền cụ thể là: 18.910.819.232 đồng, gồm:

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN07 ngày 20/3/2024 là: 1.104.395.208 đồng gồm: nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 38.043.623 đồng, nợ lãi quá hạn 64.027.397 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.324.188 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN08 ngày 21/3/2024 là: 1.050.365.930 đồng gồm: nợ gốc 950.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 37.729.313 đồng, nợ lãi quá hạn 60.341.918 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.294.699 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN09 ngày 28/3/2024 là: 5.518.552.395 đồng gồm: nợ gốc 5.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 205.616.440 đồng, nợ lãi quá hạn 300.616.438 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 12.319.517 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN10 ngày 02/5/2024 là: 3.950.996.098 đồng gồm: nợ gốc 3.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 174.279.453 đồng, nợ lãi quá hạn 167.252.055 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 9.464.590 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN11 ngày 02/5/2024 là: 3.830.271.215 đồng gồm: nợ gốc 3.490.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 168.954.247 đồng, nợ lãi quá hạn 162.141.575 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 9.175.393 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN12 ngày 03/5/2024 là: 2.194.437.069 đồng gồm: nợ gốc 2.000.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 96.301.373 đồng, nợ lãi quá hạn 92.301.373 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 5.834.323 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN13 ngày 03/5/2024 là: 1.261.801.317 đồng gồm: nợ gốc 1.150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 55.373.292 đồng, nợ lãi quá hạn 53.427.740 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 3.000.285 đồng

Do Công ty TNHH Một thành viên V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ nên Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên V thực hiện nghĩa vụ trả nợ. Trong quá trình khởi kiện, ngày 30/9/2024 Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã bán khoản vay trên cho Công ty TNHH M theo Hợp đồng mua bán nợ s1ố 005.09/2024/HĐMBN/HDB-MTC, theo đó toàn bộ số nợ được chuyển giao cho Công ty TNHH M. Do đó, Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên V có trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền trên. Trường hợp Công ty TNHH Một thành viên V không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ, Công ty TNHH M yêu cầu phát mãi tài sản thế chấp để thu hồi nợ.

Nếu số tiền thu được từ việc bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ trả nợ cho Ngân hàng, Ngân hàng yêu cầu Công ty TNHH M tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho đến khi tất toán toàn bộ khoản vay.

Tại bản ý kiến v/v tranh chấp Hợp đồng tín dụng, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH M trình bày:

Công ty TNHH M có mua khoản vay của Công ty TNHH Một thành viên V với Ngân hàng TMCP Phát triển nhà Thành phố H như Ngân hàng trình bày. Công ty TNHH M đồng ý việc Ngân hàng khởi kiện Công ty TNHH MTV V để yêu cầu trả nợ. Đề nghị ghi nhận Công ty TNHH M là tổ chức được kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của Ngân hàng và tuyên Công ty TNHH Một thành viên V chịu trách nhiệm trả nợ cho Công ty TNHH MT Clover

Công ty TNHH MT Clover yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt Công ty TNHH M

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Giấy triệu tập đương sự, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa để triệu tập đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên V, bà Phạm Ngọc N tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng đại diện theo pháp luật Công ty TNHH Một thành viên V, bà Phạm Ngọc N không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của Công ty TNHH Một thành viên V, bà Phạm Ngọc N cũng như không tiến hành hòa giải được.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố H và Công ty TNHH M khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên V trả số tiền 18.910.819.232 đồng theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTD ngày 20/10/2023. Xét quan hệ tranh chấp giữa các bên là "*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*", bị đơn Công ty TNHH Một thành viên V có trụ sở tại thành phố B nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 30 , điểm b khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ theo Hợp đồng mua bán nợ số 005.09/2024/HĐMBN/HDB-MTC ngày 30/9/2024, Ngân hàng TMCP Phát triển thành phố H đã bán khoản nợ của

Công ty TNHH Một thành viên V theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTDM ngày 20/10/2023 cho Công ty TNHH M. Căn cứ theo khoản 4 Điều 74 Bộ luật tố tụng dân sự, Công ty TNHH M là người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn.

Đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố H và Công ty TNHH M có yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH Một thành viên V đồng thời là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Phạm Ngọc N đã được tòa án triệu tập hợp lệ để tham gia phiên tòa đến lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với đại diện theo ủy quyền của Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố H, Công ty TNHH M, và bà Phạm Ngọc N.

[2] Về nội dung: Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTD ngày 20/10/2023 giữa Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H với Công ty TNHH Một thành viên V được ký kết bằng văn bản, trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa hai bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

[2.1] Đối với yêu cầu trả số tiền gốc và lãi 18.910.819.232 đồng theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTD ngày 20/10/2023: xét thấy, Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H đã thực hiện việc giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V theo thỏa thuận cụ thể như sau:

+ Ngày 20/3/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 1.000.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN07.

+ Ngày 21/3/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 950.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN08.

+ Ngày 28/3/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 5.000.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN09.

+ Ngày 02/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 3.600.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN10.

+ Cùng ngày 02/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 3.490.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN11.

+ Ngày 03/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 2.000.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN12.

+ Cùng ngày 03/5/2024, Ngân hàng giải ngân cho Công ty TNHH Một thành viên V số tiền 1.150.000.000đồng theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN13.

Công ty TNHH Một thành viên V đã không thực hiện đúng thỏa thuận trong hợp đồng về việc trả lãi và vốn cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H dù Ngân hàng đã nhiều lần yêu cầu là đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ được quy định tại Điều 5 Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTD ngày 20/10/2023. Tính đến ngày 03/3/2025, Công ty TNHH Một thành viên V còn nợ Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền cụ thể là: 18.910.819.232 đồng gồm: gồm:

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN07 ngày 20/3/2024 là: 1.104.395.208 đồng gồm: nợ gốc 1.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 38.043.623 đồng, nợ lãi quá hạn 64.027.397 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.324.188 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN08 ngày 21/3/2024 là: 1.050.365.930 đồng gồm: nợ gốc 950.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 37.729.313 đồng, nợ lãi quá hạn 60.341.918 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.294.699 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN09 ngày 28/3/2024 là: 5.518.552.395 đồng gồm: nợ gốc 5.000.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 205.616.440 đồng, nợ lãi quá hạn 300.616.438 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 12.319.517 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN10 ngày 02/5/2024 là: 3.950.996.098 đồng gồm: nợ gốc 3.600.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 174.279.453 đồng, nợ lãi quá hạn 167.252.055 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 9.464.590 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN11 ngày 02/5/2024 là: 3.830.271.215 đồng gồm: nợ gốc 3.490.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 168.954.247 đồng, nợ lãi quá hạn 162.141.575 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 9.175.393 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN12 ngày 03/5/2024 là: 2.194.437.069 đồng gồm: nợ gốc 2.000.000.000đồng, nợ lãi trong hạn 96.301.373 đồng, nợ lãi quá hạn 92.301.373 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 5.834.323 đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN13 ngày 03/5/2024 là: 1.261.801.317 đồng gồm: nợ gốc 1.150.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn 55.373.292 đồng, nợ lãi quá hạn 53.427.740 đồng, nợ lãi chậm trả lãi 3.000.285 đồng.

Do Công ty TNHH Một thành viên V đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo thỏa thuận trong hợp đồng nên nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H và người kế thừa quyền nghĩa vụ của nguyên đơnCông ty T3 khởi kiện yêu cầu Công ty TNHH Một thành viên V chịu trách nhiệm trả số tiền trên là có cơ sở, phù hợp quy định tại Điều 5 Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTD ngày 20/10/2023, Điều 5 Hợp đồng mua bán nợ số 005.09/2024/HĐMBN/HDB-MTC ngày 30/9/2024, Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng, Điều 365 Bộ luật dân sự nên được chấp nhận.

[2.2] Đối với yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ: xét thấy Công ty TNHH Một thành viên V vay tiền của Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H có bảo đảm bằng tài sản theo các Hợp đồng thế chấp cục thể như sau:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 22581/23MN/HĐBĐ ngày 31/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 31/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 289,8m^2; mục đích sử dụng: đất ở đô thị 171m^2, đất trồng cây lâu năm 118,8m^2; thời hạn sử dụng: đất ở đô thị: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/10/2050 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 098759, số vào sổ cấp GCN CS12461 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/6/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/10/2023 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 22582/23MN/HĐBĐ ngày 31/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 31/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 584, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre: diện tích 516,5m^2; mục đích sử dụng: đất đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 09/7/2042 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 306815, số vào sổ cấp GCN CS05766 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/4/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C , tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 27/10/2023 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 24245/23MN/HĐBĐ ngày 10/11/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 10/11/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 100,6m^2; mục đích sử dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 31/10/2050 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 098813, số vào sổ cấp GCN CS12462 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/6/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 08/11/2013 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 21033/23MN/HĐBĐ ngày 20/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 20/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/10/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 748, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre: diện tích 393,4m^2; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng: đến ngày 20/5/2067 theo Giấy chứng nhận quyền

sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 096147, số vào sổ cấp GCN CS06458 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/10/2022 cho bà Phạm Ngọc N

Các Hợp đồng thế chấp nêu trên được giao kết trên tinh thần tự nguyện thỏa thuận giữa các bên, đáp ứng đầy đủ các điều kiện theo quy định của pháp luật nên đây là hợp đồng hợp pháp, được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Việc nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần Phát triển nhà Thành phố H- người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của nguyên đơn Công ty TNHH M yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để thu hồi nợ trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho ngân hàng là có cơ sở, phù hợp với thỏa thuận trong hợp đồng nên được chấp nhận.

Trường hợp số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng.

[3] Do yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án theo quy định của Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội = 112.000.000đồng + (18.910.819.232 đồng - 4.000.000.000đồng) x 0.1% = 126.910.800 đồng

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Điều 30, Điều 35, Điều 39, Điều 147 và Điều 227, Điều 228, Điều 272, Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Điều 91 và Điều 95 Luật các tổ chức tín dụng 2010;

- Điều 317, 318, 319, 320, 321, 322, 323 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Nghị quyết 326/NQ-UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H-người kế thừa quyền, nghĩa vụ của nguyên đơn Công ty TNHH M, cụ thể tuyên:

Buộc Công ty TNHH Một thành viên V chịu trách nhiệm trả cho Công ty TNHH M số tiền tính đến 03/3/2025 là: 18.910.819.232 đồng (Mười tám tỷ chín trăm mười triệu tám trăm mười chín nghìn hai trăm ba mươi hai) đồng theo Hợp đồng hạn tín dụng hạn mức số 28088/23MN/HDTD ngày 20/10/2023, gồm:

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN07 ngày 20/3/2024 là: 1.104.395.208 (Một tỷ một trăm lẻ bốn triệu ba trăm chín mươi lăm nghìn hai trăm lẻ tám) đồng gồm: nợ gốc 1.000.000.000 (Một tỷ) đồng, nợ lãi trong hạn 38.043.623 (Ba mươi tám triệu không trăm bốn mươi ba nghìn sáu trăm hai mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn 64.027.397 (Sáu mươi bốn triệu không trăm hai mươi bảy nghìn ba trăm chín mươi bảy) đồng, nợ lãi

chậm trả lãi 2.324.188 (Hai triệu ba trăm hai mươi bốn nghìn một trăm tám mươi tám) đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN08 ngày 21/3/2024 là: 1.050.365.930 (Một tỷ không trăm năm mươi triệu ba trăm sáu mươi lăm nghìn chín trăm ba mươi) đồng gồm: nợ gốc 950.000.000 (Chín trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 37.729.313 (Ba mươi bảy triệu bảy trăm hai mươi chín nghìn ba trăm mười ba) đồng, nợ lãi quá hạn 60.341.918 (Sáu mươi triệu ba trăm bốn mươi mốt nghìn chín trăm mười tám) đồng, nợ lãi chậm trả lãi 2.294.699 (Hai triệu hai trăm chín mươi bốn nghìn sáu trăm chín mươi chín) đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN09 ngày 28/3/2024 là: 5.518.552.395 (Năm tỷ năm trăm mười tám triệu năm trăm năm mươi hai nghìn ba trăm chín mươi lăm) đồng gồm: nợ gốc 5.000.000.000 (Năm tỷ) đồng, nợ lãi trong hạn 205.616.440 (Hai trăm lẻ năm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bố trăm bốn mươi) đồng, nợ lãi quá hạn 300.616.438 (Ba trăm triệu sáu trăm mười sáu nghìn bốn trăm ba mươi tám) đồng, nợ lãi chậm trả lãi 12.319.517 (Mười hai triệu ba trăm mười chín nghìn năm trăm mười bảy) đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN10 ngày 02/5/2024 là: 3.950.996.098 (Ba tỷ chín trăm năm mươi triệu chín trăm chín mươi sáu nghìn không trăm chín mươi tám) đồng gồm: nợ gốc 3.600.000.000 (Ba tỷ sáu trăm ttiệu) đồng, nợ lãi trong hạn 174.279.453 (Một trăm bảy mươi bốn triệu hai trăm bảy mươi chín nghìn bốn trăm năm mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn 167.252.055 (Một trăm sáu mươi bảy triệu hai trăm năm mươi hai nghìn không trăm năm mươi lăm) đồng, nợ lãi chậm trả lãi 9.464.590 (Chín triệu bốn trăm sáu mươi bốn nghìn năm trăm chín mươi) đồng.

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN11 ngày 02/5/2024 là: 3.830.271.215 (Ba tỷ tám trăm ba mươi triệu hai trăm bảy mươi mốt nghìn hai trăm mười lăm) đồng gồm: nợ gốc 3.490.000.000 (Ba tỷ bốn trăm chín mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 168.954.247 (Một trăm sáu mươi tám triệu chín trăm năm mươi bốn nghìn hai trăm bốn mươi bảy) đồng, nợ lãi quá hạn 162.141.575 (Một trăm sáu mươi hai triệu một trăm bốn mươi mốt nghìn năm trăm bảy mươi lăm) đồng, nợ lãi chậm trả lãi 9.175.393 (Chín triệu một trăm bảy mươi lăm nghìn ba trăm chín mươi ba) đồng.

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN12 ngày 03/5/2024 là: 2.194.437.069 (Hai tỷ một trăm chín mươi bốn triệu bốn trăm ba mươi bảy nghìn không trăm sáu mươi chín) đồng gồm: nợ gốc 2.000.000.000 (Hai tỷ) đồng, nợ lãi trong hạn 96.301.373 (Chín mươi sáu triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi ba) đồng, nợ lãi quá hạn 92.301.373 (Chín mươi hai triệu ba trăm lẻ một nghìn ba trăm bảy mươi ba) đồng, nợ lãi chậm trả lãi 5.834.323 (Năm triệu tám trăm ba mươi bốn nghìn ba trăm hai mươi ba) đồng

- Dư nợ theo Đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 28088/23/MN/HĐTD/KUNN13 ngày 03/5/2024 là: 1.261.801.317 (Một tỷ hai trăm sáu mươi mốt triệu tám trăm lẻ một nghìn ba trăm mười bảy) đồng gồm: nợ gốc

1.150.000.000 (Một tỷ một trăm năm mươi triệu) đồng, nợ lãi trong hạn 55.373.292 (Năm mươi lăm triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn hai trăm chín mươi hai) đồng, nợ lãi quá hạn 53.427.740 (Năm mươi ba triệu bốn trăm hai mươi bảy nghìn bảy trăm bốn mươi) đồng, nợ lãi chậm trả lãi 3.000.285 (Ba triệu hai trăm tám mươi lăm) đồng.

Kể từ ngày 04/3/2025, khách hàng vay còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi của số tiền chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ này. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Để đảm bảo quyền lợi cho bên cho vay, trong trường hợp Công ty TNHH Một thành viên V không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì Công ty TNHH M được quyền yêu cầu xử lý các tài sản thế chấp theo các Hợp đồng thế chấp đã ký để thu hồi nợ gồm:

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 22581/23MN/HĐBĐ ngày 31/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 31/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 62, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 289,8m^2; mục đích sử dụng: đất ở đô thị 171m^2, đất trồng cây lâu năm 118,8m^2; thời hạn sử dụng: đất ở đô thị: lâu dài, đất trồng cây lâu năm đến ngày 31/10/2050 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 098759, số vào sổ cấp GCN CS12461 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 28/6/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 30/10/2023 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 22582/23MN/HĐBĐ ngày 31/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 31/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 01/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 584, tờ bản đồ số 11 tọa lạc tại xã A, huyện C, tỉnh Bến Tre: diện tích 516,5m^2; mục đích sử dụng: đất đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 09/7/2042 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CY 306815, số vào sổ cấp GCN CS05766 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 06/4/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai huyện C , tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 27/10/2023 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 24245/23MN/HĐBĐ ngày 10/11/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 10/11/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 10/11/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 63, tờ bản đồ số 25 tọa lạc tại phường P, thành phố B, tỉnh Bến Tre: diện tích 100,6m^2; mục đích sử

dụng: đất trồng cây lâu năm; thời hạn sử dụng: đến ngày 31/10/2050 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DB 098813, số vào sổ cấp GCN CS12462 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 29/6/2021, Chi nhánh văn phòng đăng ký đất đai thành phố B, tỉnh Bến Tre cập nhật chỉnh lý biến động ngày 08/11/2013 sang chủ sử dụng bà Phạm Ngọc N.

- Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất để bảo đảm thực hiện nghĩa vụ của người khác số 21033/23MN/HĐBĐ ngày 20/10/2023 (Hợp đồng được công chứng tại Văn phòng C ngày 20/10/2023 và đăng ký giao dịch bảo đảm ngày 20/10/2023 tại Chi nhánh Văn phòng đăng ký đất đai huyện C, tỉnh Bến Tre). Tài sản thế chấp là : Quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất thuộc thửa 748, tờ bản đồ số 01 tọa lạc tại xã S, huyện C, tỉnh Bến Tre: diện tích 393,4m^2; mục đích sử dụng: đất chuyên trồng lúa nước; thời hạn sử dụng: đến ngày 20/5/2067 theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số DH 096147, số vào sổ cấp GCN CS06458 do Sở tài nguyên và Môi trường tỉnh B cấp ngày 05/10/2022 cho bà Phạm Ngọc N

Trường hợp số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, tài sản khác không đủ để thanh toán hết khoản nợ thì bên vay vốn vẫn phải có nghĩa vụ trả nợ và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng

2. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch Công ty TNHH Một thành viên V phải chịu là 126.910.800 (Một trăm hai mươi sáu triệu chín trăm mười nghìn tám trăm) đồng.

Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre hoàn lại cho Ngân hàng TMCP Phát triển Thành phố H số tiền tạm ứng án phí là 62.723.000 (Sáu mươi hai triệu bảy trăm hai mươi ba nghìn) đồng theo biên lai số 0005470 ngày 10/12/2024 của Chi cục Thi hành án dân sự Thành phố Bến Tre.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương